

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày: 05/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiền
2. Ông Lê Bình Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2023/TLST-HS ngày 01/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXXST-HS ngày 13/12/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc L, sinh năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số C, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm: 1981 và bà **Trần Thị H**, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 15/6/2023 bị **Công an thành phố B** ra Quyết định xử phạt vi phạm vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 534/QĐ-XPHC ngày 09/11/2023); bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người làm chứng: **Trần Thị Cẩm T1**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **số B, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/6/2023, Lực lượng **Công an xã S** phối hợp với Lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an thành phố B** tiến hành kiểm tra hành chính **quán U ở Số G, Ấp A, xã S, thành phố B** do **Trần Thị Cẩm T1**, sinh năm 1987, ĐKTT tại: **Số B, Khu phố D, phường P, thành phố B** làm chủ quán. Tại phòng đầu tiên bên phải theo hướng từ ngoài vào trong quán có các đối tượng **Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thanh D, Phan Trung H1, Nguyễn Vũ Phương T3** và **Phan Văn L1** đang uống bia. **Nguyễn Quốc L** là nhân viên của quán phục vụ cho nhóm uống bia.

Thấy **Nguyễn Văn L2** có dấu hiệu bất thường nên Lực lượng Công an tiến hành thử kiểm tra và cho kết quả dương tính với chất ma túy, kiểm tra và phát hiện trong túi quần phía trước bên trái của **L2** có: 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía phía còn lại có rãnh khếp màu trắng bên trong có 01 viên nén hình tròn màu xanh nghi là ma túy và 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ bên trong có tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên đã tiến hành lập Biên bản bắt quả tang **Nguyễn Quốc L** và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía phía còn lại có rãnh khếp bên trong có 01 viên nén hình tròn màu xanh nghi là ma túy; 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ bên trong có tinh thể màu trắng nghi là ma túy.

Nguyễn Quốc L khai nhận: 01 túi nylon màu hàn kín ba phía phía còn lại có rãnh khếp màu trắng bên trong có 01 viên nén hình tròn màu xanh là ma túy loại “keo” và 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu đỏ bên trong có tinh thể màu trắng là ma túy “khây” bị Lực lượng Công an thu giữ của **L** đang cất giữ để sử dụng. Nguồn gốc ma túy: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 14/6/2023 **L** đến khu vực **V xoay Phường F**, gặp một Nam thanh niên không rõ tên, khoảng 40 tuổi mua 800.000 đồng ma túy loại “keo và khay” để sử dụng. **L** để ma túy trong túi quần phía trước bên trái và đến quán **Út P** ở **Số G, Ấp A, xã S, thành phố B** để làm việc thì bị Lực lượng Công an phát hiện lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **L** và thu giữ tang vật.

Tại Kết luận giám định số 437/2023/KL-KTHS ngày 10/7/2023 của **Phòng K Công an tỉnh B** kết luận: 01 viên nét hình tròn màu xanh đựng trong 01 túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại MDMA; khối lượng: 0,3505 gam. Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại Ketamine; khối lượng: 1,3607 gam. Quá trình điều tra, **Nguyễn Quốc L** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, Kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Đối với chất ma túy còn lại sau giám định là vật chứng vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** tiếp tục tạm giữ để xử lý theo luật định. Tại Cáo trạng số 117/CT-VKSTPBT ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy ma túy còn lại sau giám định.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng, nhưng quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/6/2023, tại **quán Ú ở Số G, Ấp A, xã S, thành phố B** **Nguyễn Quốc L** đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,3505 gam ma túy, loại MDMA và 1,3607 gam ma túy; loại Ketamine để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện lập Biên bản phạm tội quả tang.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý mua và cất giấu 0,3505 gam ma túy, loại MDMA và 1,3607 gam ma túy; loại Ketamine để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng ngày 15/6/2023 bị **Công an thành phố B** ra Quyết định xử phạt vi phạm vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 534/QĐ-XPHC ngày 09/11/2023). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Về xử lý vật chứng áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy ma túy còn lại sau giám định.

[8] Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, làm rõ đối tượng bán ma túy cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt và xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 437/2023 có chữ ký ghi tên Trần Duy C, Nguyễn Ngọc M và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B;

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án: Bị cáo Nguyễn Quốc L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Lương Hòa, H.GT(1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình